

Số: **1759/KL-UBND**

Yên Châu, ngày 27 tháng 8 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước cấp và các khoản đóng góp của nhân dân tại Trường Tiểu học Tú Nang

Thực hiện Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Châu về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước cấp và các khoản đóng góp của nhân dân tại Trường Tiểu học Tú Nang. Từ ngày 08/7/2021 đến ngày 13/8/2021, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Trường Tiểu học Tú Nang.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 16/8/2021 của Trưởng Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của trường Tiểu học Tú Nang.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu kết luận như sau:

Phần I KHÁI QUÁT CHUNG

Trường Tiểu học Tú Nang là trường thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trường nằm trên địa bàn bản Đông Khùa, xã Tú Nang huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Năm học 2019 - 2020 nhà trường có 20 lớp với 478 học sinh. Các chế độ chính sách của học sinh trong nhà trường được hưởng bao gồm: Chế độ đối với học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ; chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chế độ đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật.

Tổng biên chế nhà trường đến thời điểm hiện tại: 37 cán bộ, viên chức và hợp đồng lao động; trong đó: Ban giám hiệu 03 người; giáo viên đứng lớp 30 người; nhân viên thư viện 01 người; viên chức kế toán 01 người; hợp đồng lao động 02 người. Về cơ cấu tổ chức: Nhà trường có Chi bộ đảng với 32 đảng viên; Công đoàn cơ sở; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Cùng với cơ cấu tổ chức Nhà trường còn có Hội đồng sư phạm, Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và 02 tổ Chuyên môn.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát và lập dự toán thu, chi thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với học sinh để gửi cơ quan Tài chính, phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

Ngay từ ngày đầu các năm học, phụ huynh học sinh bầu Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh để phối hợp với Nhà trường trong công tác giáo dục học sinh và thực hiện việc thu, quản lý các nguồn thu , chi của Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT- BGDDT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhìn chung, các tổ chức đoàn thể của Nhà trường hoạt động đúng chức năng, quyền hạn theo Điều lệ Trường.

Phần II

KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. THANH TRA VIỆC QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUYẾT TOÁN CÁC NGUỒN KINH PHÍ NHÀ NƯỚC CẤP TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2020

1. Về quy chế chi tiêu nội bộ

Trong 3 năm 2018-2020, đơn vị đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện theo quy định; việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị.

2. Về việc thực hiện xây dựng dự toán, công khai dự toán, quyết toán

Đơn vị đã thực hiện xây dựng dự toán thu chi cơ bản đảm bảo kinh phí để phục vụ chi các chế độ chính sách, tiền lương và các nhiệm vụ chi thường xuyên khác của đơn vị; việc công khai dự toán, quyết toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, hạch toán kế toán và sổ sách kế toán

Nhìn chung từ năm 2018-2020, đơn vị đã thực hiện lập một số các báo cáo, sổ sách theo quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Luật Kế toán năm 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam.

4. Đối với nguồn kinh phí được sử dụng từ năm 2018-2020

4.1. Kinh phí NSNN giao

*** Năm 2018**

- Dự toán được sử dụng năm 2018: 6.679.487.484 đồng (trong đó: dự toán năm trước chuyển sang 26.923.484 đồng; dự toán giao năm 2018: 6.652.564.000 đồng).

- Kinh phí thực hiện quyết toán: 6.556.940.610 đồng.

- Kinh phí còn dư: 122.546.874 đồng (khớp đúng số dư tiền gửi tại Kho bạc nhà nước).

*** Năm 2019**

- Dự toán được sử dụng năm 2019: 7.414.955.974 đồng (trong đó: dự toán năm trước chuyển sang 106.976.374 đồng; dự toán giao năm 2019: 7.307.979.600 đồng).

- Kinh phí thực hiện quyết toán: 7.411.413.490 đồng.
- Kinh phí còn dư: 3.542.484 đồng (khớp đúng số dư tiền gửi tại Kho bạc nhà nước).

*** Năm 2020**

- Dự toán được sử dụng năm 2020: 7.796.753.884 đồng (trong đó: dự toán năm trước chuyển sang 898.884 đồng; dự toán giao năm 2020: 7.795.855.000 đồng).
- Kinh phí thực hiện quyết toán: 7.745.997.710 đồng.
- Kinh phí còn dư: 50.756.174 đồng (khớp đúng số dư tiền gửi tại Kho bạc nhà nước).

4.2. Đánh giá việc quản lý công tác tài chính, chứng từ kế toán

* Công tác bảo quản, lưu trữ chứng từ kế toán: cơ bản việc đóng và lưu trữ theo quy định của Luật kế toán. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí NSNN cấp cơ bản đảm bảo tuân thủ theo chế độ, chính sách của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Đảm bảo thanh toán chi trả đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, CCVC, người lao động thuộc đơn vị.

* Tuy nhiên còn một số tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý chi ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Tại Giấy rút dự toán số 63 ngày 27/8/2018 - Thanh toán tiền xây dựng nhà lớp học, số tiền 59.996.000 đồng. Tại thời điểm thanh tra hồ sơ lưu trữ tại đơn vị có một số tồn tại như sau: Chứng từ hồ sơ thiếu: Quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán, Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án tại Quyết định số 16/QĐ-THTN ngày 26/6/2018 khi chưa được thẩm định, trái quy định tại khoản 1, Điều 37, Luật Đầu thầu năm 2013; Chỉ định thầu đối với gói thầu phải áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn. Tuy nhiên, Qua kiểm tra cho thấy dự án trên đã được triển khai thực tế, đoàn thanh tra không đề nghị xuất toán thu hồi, tuy nhiên để xảy ra những sai phạm nêu trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, và các bộ phận giúp việc của trường Tiểu học Tú Nang.

- Tại Phiếu chi số 30 ngày 17/9/2019 (Thanh toán công tác phí thiếu năm 2018), số tiền 17.980.000 đồng. Thanh toán cho ông Nguyễn Văn Bính - giáo viên, số tiền 1.470.000 đồng, cộng các chứng từ 1.260.000 đồng, *chi thừa đề nghị thu hồi xuất toán 210.000 đồng.*

- Tại Phiếu chi số 50 ngày 15/01/2020 (Thanh toán công tác phí thiếu quý IV năm 2019), số tiền 16.160.000 đồng. Thanh toán cho bà Nguyễn Thu Hà - Hiệu trưởng, số tiền 5.440.000 đồng, cộng các chứng từ 4.800.000 đồng, *chi thừa đề nghị thu hồi xuất toán 640.000 đồng.*

- Tại Phiếu chi số 12 ngày 28/4/2020 (Thanh toán công tác phí quý I/2020), số tiền 9.140.000 đồng. Thanh toán cho bà Nguyễn Thu Hà - Hiệu trưởng, số tiền 3.850.000 đồng, Giấy đi đường ngày 10/01/2020 công tác tại thị trấn Yên Châu

thanh toán 04 ngày, theo kế hoạch của UBND huyện 03 ngày, chi thừa 01 ngày = 310.000 đồng (PC lưu trú 160.000 đồng, tiền ngủ 150.000 đồng); Giấy đi đường ngày 26/02/2020 thanh toán 02 ngày (26/27/02), trùng ngày công tác với Giấy đi đường ngày 27/02 (tập huấn 02 ngày 27-28/02), chi thừa 01 ngày = 160.000 đồng (PC lưu trú), *tổng số tiền chi thừa đề nghị thu hồi xuất toán 470.000 đồng.*

- Phiếu chi số 39 ngày 29/9/2020 (thanh toán tiền công tác phí Quý III/2020), số tiền 31.410.000 đồng. Thanh toán cho bà Nguyễn Thu Hà - Hiệu trưởng, số tiền 3.390.000 đồng, Giấy đi đường ngày 26/02/2020 đã được thanh toán tại Phiếu chi số 12 ngày 28/4/2020, *chi thừa đề nghị thu hồi xuất toán 520.000 đồng.*

*** Tổng số tiền sai phạm, đề nghị thu hồi: 1.840.000 đồng.**

II. THANH TRA VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, QUYẾT TOÁN CÁC NGUỒN KINH PHÍ NHÀ NƯỚC CẤP CHO HỌC SINH NĂM HỌC 2018-2019; 2019-2020

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ

1.1. Ngân sách cấp bù học phí: Cấp Tiểu học không thu học phí.

1.2. Hỗ trợ chi phí học tập

- Mức hỗ trợ chi phí học tập 100.000 đồng/học sinh/tháng (thời gian hưởng 9 tháng/năm học)

*** Năm học 2018-2019**

- Học kỳ 1: Tổng số học sinh được phê duyệt: 224 học sinh = 89.600.000 đồng; Số tiền được cấp và thanh toán: 224 học sinh (194 học sinh nhận đủ 4 tháng, 30 học sinh nhận 3 tháng) = 86.600.000 đồng.

Qua thanh tra xác định: Theo Quyết định phê duyệt số 1064/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Yên Châu số tiền hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 1 năm học 2018-2019 là 224 học sinh x 4 tháng x 100.000 đồng = 89.600.000 đồng. Nhà trường thanh toán cho 194 học sinh hưởng 04 tháng = 77.600.000 đồng và 30 học sinh hưởng 03 tháng = 9.000.000 đồng. Thanh toán thiếu 01 tháng của 30 học sinh = 3.000.000 đồng. Đề nghị Nhà trường thanh toán số tiền 3.000.000 đồng chưa chi trả cho 30 học sinh.

- Học kỳ 2: Tổng số học sinh được phê duyệt: 222 học sinh = 111.000.000 đồng; Số tiền được cấp và thanh toán: 222 học sinh = 111.000.000 đồng.

*** Năm học 2019-2020**

- Học kỳ 1: Tổng số học sinh được phê duyệt: 208 học sinh = 83.200.000 đồng; Số tiền được cấp và thanh toán: 208 học sinh = 83.200.000 đồng.

- Học kỳ 2: Tổng số học sinh được phê duyệt: 173 học sinh = 86.500.000 đồng; Số tiền được cấp và thanh toán: 173 học sinh = 86.500.000 đồng.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

2.1. Hỗ trợ tiền ăn

Mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú bằng 40% mức lương cơ sở/học sinh/tháng; không quá 9 tháng/năm học/học sinh

- Năm học 2018-2019: Tổng số học sinh được phê duyệt cả năm: 17 học sinh = 85.068.000 đồng; Số tiền cấp và thanh toán: 17 học sinh = 85.068.000 đồng.

- Năm học 2019-2020: Tổng số học sinh được phê duyệt cả năm: 11 học sinh = 59.004.000 đồng; Số tiền cấp và thanh toán: 11 học sinh = 59.004.000 đồng.

2.2. Hỗ trợ tiền nhà ở

Mức hỗ trợ tiền nhà ở bằng 10% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh.

*** Năm học 2018-2019**

Mỗi học sinh được hưởng: 1.390.000 đồng x 10% = 139.000 đồng/tháng và được hưởng 9 tháng/năm học.

- Tổng số học sinh được phê duyệt HK1+2: 17 học sinh = 21.267.000 đồng.

- Số tiền cấp và thanh toán: 17 học sinh = 21.267.000 đồng.

*** Năm học 2019-2020**

Mỗi học sinh được hưởng: 1.490.000 đồng x 10% = 149.000 đồng/tháng và được hưởng 9 tháng/năm học.

- Tổng số học sinh được phê duyệt HK1+2: 08 học sinh = 21.267.000 đồng.

- Số tiền cấp và thanh toán: 08 học sinh = 21.267.000 đồng.

2.3. Hỗ trợ gạo

Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh.

*** Năm học 2018- 2019**

- Tổng số học sinh được phê duyệt cả năm học: 17 học sinh = 2.295 kg.

- Tổng số gạo được cấp, đã phát cho học sinh: 17 học sinh = 2.295 kg.

- Số gạo tồn kho cuối năm học: 0 kg.

*** Năm học 2019- 2020**

- Tổng số học sinh được phê duyệt cả năm học: 11 học sinh = 1.485 kg.

- Tổng số gạo được cấp, đã phát cho học sinh: 11 học sinh = 1.485 kg.

- Số gạo tồn kho cuối năm học: 0 kg.

3. Thanh tra việc thực hiện chính sách về Giáo dục đối với người khuyết tật quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của bộ Giáo dục và Đào tạo, bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bộ Tài chính

- Mức hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật bằng 80% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh.

- Mức hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập với mức 1.000.000 đồng/học sinh/năm học

3.1. Năm học 2018-2019

*** Hỗ trợ học bổng**

- Học kỳ 1: Số học sinh khuyết tật: 09 học sinh; Tổng số tiền hỗ trợ được phê duyệt: 09 học sinh = 40.032.000 đồng; Tổng số tiền chi trả cho học sinh: 09 học sinh = 40.032.000 đồng.

- Học Kỳ 2: Số học sinh khuyết tật: 10 học sinh; Tổng số tiền hỗ trợ được phê duyệt: 10 học sinh = 55.600.000 đồng; Số tiền được cấp và chi trả cho học sinh: 10 học sinh = 55.600.000 đồng.

*** Hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập**

- Học kỳ 1: Số học sinh khuyết tật: 09 học sinh; Tổng số tiền hỗ trợ được phê duyệt: 09 học sinh = 3.600.000 đồng; Tổng số tiền được cấp và chi trả: 9 học sinh = 3.600.000 đồng.

- Học kỳ 2: Số học sinh khuyết tật: 10 học sinh; Tổng số tiền hỗ trợ được phê duyệt: 10 học sinh = 5.000.000 đồng; Số tiền được cấp và chi trả cho học sinh: 10 học sinh = 5.000.000 đồng.

3.2. Năm học 2019-2020

*** Hỗ trợ học bổng**

- Học kỳ 1: Số học sinh khuyết tật: 11 học sinh; Tổng số tiền hỗ trợ được phê duyệt: 11 học sinh = 52.448.000 đồng; Số tiền được cấp và chi trả cho học sinh: 11 học sinh = 52.448.000 đồng.

- Học Kỳ 2: Số học sinh khuyết tật: 20 học sinh; Tổng số tiền hỗ trợ được phê duyệt: 20 học sinh = 119.200.000 đồng; Số tiền được cấp và chi trả cho học sinh: 115.908.000 đồng (trong đó: 19 học sinh x 5 tháng x 1.192.000 đồng = 113.240.000 đồng; 01 học sinh = 2.668.000 đồng).

Qua thanh tra xác định: Có 01 học sinh là em Vì Anh Tùng, lớp 3 Nông Tin được thanh toán học bổng học kỳ 2 là 2.668.000 đồng còn 3.292.000 đồng chưa thanh toán do kinh phí chưa cấp đủ.

*** Hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập**

- Học kỳ 1: Số học sinh khuyết tật: 11 học sinh; Tổng số tiền hỗ trợ được phê duyệt: 11 học sinh = 4.400.000 đồng; Số tiền được cấp và chi trả cho học sinh: 11 học sinh = 4.400.000 đồng.

- Học kỳ 2: Số học sinh khuyết tật: 20 học sinh; Tổng số tiền hỗ trợ được phê duyệt: 20 học sinh = 12.000.000 đồng; Số tiền được cấp và chi trả cho học sinh: 20 học sinh = 12.000.000 đồng.

III. THANH TRA CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP CỦA NHÂN DÂN

1. Quỹ xây dựng cơ sở vật chất: Không thu.

2. Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh

2.1. Thanh tra việc lập dự toán thu - chi

Hằng năm, căn cứ các quy định và văn bản hướng dẫn của ngành, căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường và của địa phương; trên cơ sở xin ý kiến phụ huynh học sinh về việc đóng góp các khoản tự nguyện của từng năm học, xây dựng kế hoạch thu, mức thu; dự kiến sử dụng và xin ý kiến Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã về kế hoạch thu - chi các khoản đóng góp tự nguyện của từng năm học và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của Ban đại diện cha mẹ học sinh; Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

*** Năm học 2018-2019**

Dự kiến chi: Chi tổ chức các cuộc họp PHHS của lớp, của trường, VPP cho Ban đại diện CMHS hoạt động; chi in ấn, phô tô tài liệu, đề kiểm tra; chi khen thưởng học sinh trong các đợt thi đua: 20/11, sơ kết học kỳ I, 26/3, tổng kết năm học, học sinh giỏi, học sinh thi viết chữ đẹp cấp trường, thi văn nghệ, trò chơi; chi hỗ trợ học sinh tham gia học sinh giỏi, văn nghệ, TD-TT, hoạt động phong trào do nhà trường và các cấp tổ chức; chi thăm hỏi học sinh ốm đau, tai nạn rủi ro.

*** Năm học 2019-2020**

Dự kiến chi: Chi tổ chức các cuộc họp PHHS của lớp, của trường, VPP cho Ban đại diện CMHS hoạt động; chi in ấn, phô tô tài liệu, đề kiểm tra; chi khen thưởng học sinh trong các đợt thi đua: 20/11, sơ kết học kỳ I, 26/3, tổng kết năm học, học sinh giỏi, học sinh thi viết chữ đẹp cấp trường, thi văn nghệ, trò chơi; chi hỗ trợ học sinh tham gia học sinh giỏi, văn nghệ, TD-TT, hoạt động phong trào do nhà trường và các cấp tổ chức; chi thăm hỏi học sinh ốm đau, tai nạn rủi ro.

2.2. Thanh tra việc tiếp nhận và sử dụng Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh

*** Năm học 2018-2019**

- Tổng thu: 91.200.000 đồng (*trong đó: Dư năm trước chuyển sang 0 đồng; Thu trong năm 91.200.000 đồng*).

- Tổng chi: 89.208.000 đồng.

- Còn dư chuyển năm sau: 1.992.000 đồng.

Kiểm tra số dư tiền mặt quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2018-2019 tại Trường Tiểu học Tú Nang là 1.992.000 đồng, khớp đúng với số dư kế toán.

*** Năm học 2019-2020**

- Tổng thu: 100.992.000 đồng (*trong đó: Dư năm trước chuyển sang: 1.992.000 đồng; Thu trong năm: 99.000.000 đồng*).

- Tổng chi: 100.992.000 đồng.
- Còn dư: 0 đồng.

Kiểm tra số dư tiền mặt quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2019-2020 tại Trường Tiểu học Tú Nang là 0 đồng, khớp đúng với số dư kế toán.

Tuy nhiên Qua thanh tra xác định:

(1) Ngày 25/12/2019 (Chi tiền mua vít ốc), số tiền 300.000 đồng. Chi sai mục đích được quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGD-ĐT. *Đề nghị xuất toán, thu hồi số tiền 300.000 đồng;*

(2) Ngày 09/01/2020 (Chi tiền mua băng zôn), số tiền 250.000 đồng. Chi sai mục đích được quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGD-ĐT. *Đề nghị xuất toán, thu hồi số tiền 250.000 đồng;*

(3) Ngày 20/4/2020 (Chi tiền hỗ trợ áo dài), số tiền 7.200.000 đồng. Chi sai mục đích được quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGD-ĐT. *Đề nghị xuất toán, thu hồi số tiền 7.200.000 đồng;*

(4) Ngày 20/4/2020 (Chi mua đồ: cây lau sàn, khăn sù, xà phòng, sửa máy lọc nước, dây nước), số tiền 1.290.000 đồng. Chi sai mục đích được quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGD-ĐT. *Đề nghị xuất toán, thu hồi số tiền 1.290.000 đồng;*

(5) Ngày 15/6/2020 (Chi duyệt phổ cập năm học 2019-2020), số tiền 400.000 đồng. Chi sai mục đích được quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGD-ĐT. *Đề nghị xuất toán, thu hồi số tiền 400.000 đồng;*

(6) Ngày 15/6/2020 (Chi dự tổng kết Bản Trung tâm + Suối Bun), số tiền 400.000 đồng. Chi sai mục đích được quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGD-ĐT. *Đề nghị xuất toán, thu hồi số tiền 400.000 đồng;*

(7) Ngày 25/6/2020 (Chi mua nước rửa nhà vệ sinh), số tiền 200.000 đồng. Chi sai mục đích được quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGD-ĐT. *Đề nghị xuất toán, thu hồi số tiền 200.000 đồng.*

Tổng số tiền sai phạm, đề nghị thu hồi: 10.040.000 đồng.

Phần III NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

I. NHẬN XÉT

1. Ưu điểm

1.1. Kinh phí nhà nước cấp từ năm 2018 đến năm 2020

- Đơn vị đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện theo quy định; việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị.

- Công tác bảo quản, lưu trữ chứng từ kế toán: cơ bản việc đóng và lưu trữ theo quy định của Luật kế toán. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí NSNN cấp cơ bản đảm bảo tuân thủ theo chế độ, chính sách của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Đảm bảo thanh toán chi trả đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, CCVC, người lao động thuộc đơn vị.

- Nhìn chung từ năm 2018-2020, đơn vị đã thực hiện lập các báo cáo, sổ sách theo quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Luật Kế toán năm 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

1.2. Về thực hiện các chế độ chính sách NSNN cấp cho học sinh

Thanh toán cơ bản đúng, đầy đủ chế độ khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền; hạch toán đầy đủ việc thu, chi tại đơn vị đúng theo quy định.

1.3. Nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân (Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh)

Hằng năm nhà trường đã phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch thu, chi, quy chế quản lý, sử dụng quỹ hội cơ bản đảm bảo theo quy định.

2. Hạn chế, sai phạm

2.1. Kinh phí nhà nước cấp từ năm 2018 đến năm 2020

- Hồ sơ thanh toán tiền xây dựng nhà lớp học năm 2018 lập chưa đảm bảo đúng các quy định hiện hành, một số văn bản thủ trưởng đơn vị chưa ký, đóng dấu.

- Thanh toán công tác phí, duyệt chi của chủ tài khoản còn trùng ngày công tác, hồ sơ thanh toán thiếu chứng từ, **chi thừa 1.840.000 đồng.**

2.2. Về thực hiện các chế độ chính sách NSNN cấp cho học sinh

- Học kỳ 1 năm học 2018-2019 còn chi trả thiếu 1 tháng chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ đối với 30 học sinh với số tiền 3.000.000 đồng.

- Việc chi trả chế độ học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2019-2020 còn chậm (*tổng số 20 học sinh, trong đó chi trả chậm 10 học sinh*).

2.3. Nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân (Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh)

- Việc tiếp nhận, sử dụng kinh phí đóng góp của cha mẹ học sinh còn sai phạm, sử dụng quỹ không đúng mục đích theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trong điều hành quản lý nguồn thu theo Thông tư 55/2011/BGD-ĐT của nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh còn một số hạn chế, như: chi sai mục đích, không mở sổ thu - chi quỹ tiền mặt của kế toán, thủ quỹ; sau khi sử

dụng nguồn thu ngoài ngân sách không báo cáo công khai quyết toán kinh phí theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư 55/2011/BGD-ĐT.

Để xảy ra những sai phạm, hạn chế nêu trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường, các kế toán, thủ quỹ của trường Tiểu học Tú Nang giai đoạn từ 2018-2020.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Quyết định giao kinh phí, phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chế độ, chính sách Nhà nước của cấp có thẩm quyền còn chậm.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Kế toán, chủ tài khoản chưa cập nhật kịp thời các chế độ chính sách của nhà nước dẫn đến việc thiếu sót trong quản lý tài chính ngân sách.

- Chủ tài khoản thiếu sát sao trong việc chi trả chế độ cho học sinh, dẫn đến thủ quỹ chậm chi trả.

- Kế toán chưa thực hiện và hướng dẫn Ban Đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng các quy định về trình tự, thủ tục thanh toán của Luật Ngân sách trong việc quản lý, sử dụng quỹ ngoài ngân sách. Nhận thức của một số cha mẹ học sinh còn hạn chế.

II. KẾT LUẬN

- Trường Tiểu học Tú Nang thực hiện cơ bản đầy đủ các quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH của bộ Giáo dục - Đào tạo, bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Các chính sách hỗ trợ học sinh vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn đã tạo điều kiện cho học sinh đến trường, đặc biệt là các em trong diện bán trú. Tạo điều kiện cho các hộ gia đình, đặc biệt là gia đình thuộc diện nghèo, con em được đến trường, đến lớp. Từ đó tình trạng học sinh bỏ học giảm, chất lượng học tập tăng lên rõ rệt.

- Nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm các nội dung tồn tại về quản lý tài chính qua công tác thanh tra đã chỉ ra tại Kết luận thanh tra và các biên bản thanh tra được lập giữa Đoàn thanh tra với đơn vị. Khắc phục sai phạm trong công tác kế toán và quản lý kinh phí theo quy định của pháp luật.

Phần IV

BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ NHỮNG YÊU CẦU KHẮC PHỤC

I. BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Xử lý về kinh tế

Trên cơ sở xem xét nội dung, tính chất, mức độ vi phạm của đối tượng thanh tra, xử lý thu hồi về kinh tế đối với Chủ tài khoản, kế toán và các cá nhân có liên quan như sau:

- Xử lý thu hồi nộp ngân sách nhà nước, số tiền **1.840.000 đồng** kinh phí nhà nước cấp chi thừa chế độ công tác phí trong các năm từ 2018-2020.

- Xử lý thu hồi, hoàn trả cho Ban đại diện cha mẹ học sinh, số tiền **10.040.000 đồng** Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh chi sai mục đích theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Xử lý trách nhiệm

Liên quan đến tồn tại, hạn chế và sai phạm qua thanh tra đã chỉ ra, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu:

2.1. Hiệu trưởng trường Tiểu học Tú Nang: Kiểm điểm trách nhiệm cá nhân hiệu trưởng trước tập thể nhà trường.

2.2. Giao Hiệu trưởng trường Tiểu học Tú Nang: Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và các cá nhân có liên quan.

3. Yêu cầu khắc phục

- Chấn chỉnh việc xây dựng trường lớp học phải đảm bảo hồ sơ đúng quy trình, thủ tục theo quy định nhà nước; thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, các khoản đóng góp của nhân dân nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng; tiếp tục chi trả kinh phí hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Học kỳ 1 năm học 2018-2019 còn thiếu; xây dựng kế hoạch khắc phục Kết luận thanh tra.

- Hiệu trưởng, Chủ tài khoản, Kế toán, Thủ quỹ và các cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc việc khắc phục xử lý những hạn chế, sai phạm sau thanh tra, thu nộp các khoản sai phạm vào ngân sách Nhà nước theo đúng quy định.

- Yêu cầu Chủ tài khoản, Kế toán đơn vị tăng cường công tác nghiên cứu, nắm bắt đầy đủ, kịp thời các quy định của nhà nước về công tác quản lý tài chính để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định.

4. Yêu cầu Hiệu trưởng trường Tiểu học Tú Nang, tập thể và các cá nhân có liên quan nội dung Kết luận thanh tra nghiêm túc thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Thanh tra huyện*) trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố Kết luận thanh tra.

II. GIAO CÁC CƠ QUAN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, hướng dẫn chủ tài khoản và kế toán các đơn vị trường học; kiểm tra, giám sát việc chi trả chế độ, chính sách cho giáo viên và học sinh; hướng dẫn các cơ sở giáo dục, Ban đại diện cha mẹ học sinh việc thu, quản lý sử dụng Quỹ xây dựng cơ sở vật chất theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 03/8/2018 của Bộ Tài chính và Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phòng Nội vụ

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo trường Tiểu học Tú Nang tổ chức họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, các nhân có liên quan đến hạn chế, sai phạm sau thanh tra.

3. Thanh tra huyện

Đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra, thiết lập hồ sơ liên quan đến việc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 24, Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ.

Trên đây là Kết luận thanh tra công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước cấp và các khoản đóng góp của nhân dân tại Trường Tiểu học Tú Nang, huyện Yên Châu./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- TT UBND huyện;
- Thanh tra huyện (t/hiện);
- Phòng TC-KH (t/hiện);
- Phòng Giáo dục và ĐT (t/hiện);
- Phòng Nội vụ (t/hiện);
- Trường TH Tú Nang (t/hiện);
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, HS thanh tra, 15b.

CHỦ TỊCH

Lù Văn Cường